

Số: 146/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc,
trình độ đại học, mã ngành: 7220210

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 534-TTg ngày 03 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-HĐT-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-ĐHĐĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, trình độ đại học, mã ngành 7220210 và kết luận của hội đồng thẩm định ngày 09 tháng 4 năm 2024;

Xét tờ trình của Khoa Ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, trình độ đại học, mã ngành: 7220210 của Trường Đại học Đông Đô (chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Tài chính - Kế toán, Đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Công tác sinh viên, Khoa Ngoại ngữ, các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Công TTĐT Trường (để c/b);
- Lưu: VT.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7220210

(Bản mô tả tóm tắt khung CTĐT)

HÀ NỘI – NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, MÃ NGÀNH: 7220210

*(Ban hành theo Quyết định số 146/QĐ-ĐHĐĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình đào tạo:

+ Tiếng Việt:	Ngôn ngữ Hàn Quốc
+ Tiếng Anh:	Korean Language
Mã ngành đào tạo:	7220210
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	4 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp:	
+ Tiếng Việt:	Ngôn ngữ Hàn Quốc
+ Tiếng Anh:	Korean Language
Đơn vị đào tạo:	Trường Đại học Đông Đô

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Đông Đô trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Hàn Quốc, những kiến thức về văn hóa, lịch sử, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế, chính trị và kỹ năng làm việc, nghiên cứu, tìm hiểu về đất nước Hàn Quốc.

Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc có kiến thức, phẩm chất, đạo đức, có kiến thức về năng lực nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực, phục vụ cho sự phát triển của đất nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc đặt mục tiêu đào tạo ra những cử nhân có năng lực tốt, khả năng thích ứng cao, thành thạo về tiếng Hàn; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, nắm bắt và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và giải quyết vấn đề);

b) Người học được trang bị những kỹ năng mềm như giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc tập thể. Ngoài năng lực ngôn ngữ tối thiểu đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, sinh viên còn được trang bị những hiểu biết về văn hóa, đất nước con người Hàn Quốc một cách khái quát.

c) Người học có thể sử dụng tiếng Hàn như một nghề nghiệp, hay một công cụ hỗ trợ để học tập, nghiên cứu các chuyên ngành khác.

d) Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

2.1.1 Về kiến thức

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau:

Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội;

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin và mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...);

- Có trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng;

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

Kiến thức theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng Tiếng Hàn;

- Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo;

- Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

Kiến thức của khối ngành

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

- Nắm vững kiến thức thực hành tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt như Ngữ âm học, Ngữ pháp học, Từ vựng - Ngữ nghĩa và Dạng học tiếng Việt;

- Nắm vững và hiểu biết tri thức văn hoá – xã hội, nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả.

Kiến thức của nhóm ngành

- Nắm được những kiến thức cơ bản trong Ngữ âm học, Âm vị học và Hình thái học tiếng Hàn, vận dụng những kiến thức đó để nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm và ngữ pháp trong giao tiếp;

- Nắm được những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp và Cú pháp học tiếng Hàn và vận dụng những kiến thức đó trong công việc chuyên môn;

- Nắm được các kiến thức khái quát về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của Hàn Quốc và vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn;

- Nắm được các kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hóa Hàn - Việt, những tương đồng và dị biệt về văn hóa hai nước, qui tắc ứng xử, phép lịch sự... và vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn;

- Nắm được các kiến thức khái quát và cơ bản về hai trong 7 lĩnh vực ngôn ngữ-văn hóa sau: (1) từ vựng và cấu tạo từ, (2) nghĩa và cấu trúc nghĩa vựng, (3) đối chiếu ngôn ngữ Hàn - Việt, (4) ngữ dụng học, (5) lịch sử Hàn Quốc, (6) văn học Hàn Quốc cận, hiện đại, (7) văn hóa văn minh thế giới và văn hóa các nước ASEAN. Biết vận dụng những kiến thức này trong công việc chuyên môn;

- Có khả năng sử dụng tốt tiếng Hàn ở trình độ cấp 5 theo chuẩn đánh giá năng lực tiếng Hàn quốc tế TOPIK, tương đương với bậc 5 theo khung năng lực Ngoại ngữ cơ sở 6 bậc dùng cho Việt Nam; có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu.

Kiến thức ngành

- Nắm được các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên/phiên dịch và vận dụng các kiến thức đó trong công tác biên, phiên dịch;

- Nắm được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ du lịch, tiếng Hàn du lịch và kinh tế du lịch Hàn và vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn;

- Nắm được các kiến thức cơ bản về đất nước, con người, văn hóa xã hội, kinh tế, chính trị...Hàn Quốc vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn nói chung và nghiên cứu nói riêng;

- Vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, công ty, đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của (1) biên/phiên dịch/biên tập viên, (2) thư ký văn phòng, trợ lý đối ngoại, (3) hướng dẫn viên du lịch, làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin hơn, (4) làm quen với những thao tác, kỹ năng nghiên cứu và tri thức mang tính học thuật;

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Hàn Quốc thông qua việc tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao.

2.1.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới;

- Có khả năng áp dụng sáng tạo những kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào các tình huống khác nhau;

- Có khả năng cạnh tranh trên thị trường với chuyên môn và tri thức cao;

- Có khả năng ghi nhớ thông tin, giọng điệu và phát âm tốt;

- Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng của bản dịch;

- Có khả năng xử lý và biên tập các văn bản dịch;

- Có khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng được nhu cầu của thị trường;

- Có khả năng thực hiện các chức năng quản trị điều hành các mặt hoạt động của các công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng;

- Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ theo yêu cầu ở vị trí công việc;
- Có khả năng thiết kế, xây dựng chương trình du lịch, xác định giá bán, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, soạn thảo hợp đồng kinh tế, tổ chức điều hành thực hiện chương trình du lịch;

- Có kỹ năng thuyết trình và xử lý một số tình huống cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch;

- Có khả năng đọc, viết, phân tích tài liệu bằng tiếng Hàn để phục vụ nghiên cứu;

- Có khả năng biên dịch các tài liệu tiếng Hàn, Việt để phục vụ nghiên cứu;

- Có khả năng xử lý và biên tập các văn bản dịch, tài liệu nghiên cứu;

- Có khả năng tham gia vào các dự án nghiên cứu chuyên ngành.

Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và cống hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội;

- Có khả năng lập luận, tư duy và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đã theo học.

Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

Khả năng tư duy theo hệ thống

- Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác nói riêng và các vấn đề kinh tế - văn hóa – xã hội nói chung.

Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có năng lực, hiểu biết về xã hội, có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

Bối cảnh tổ chức

- Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của cơ quan công tác để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm biên dịch, hiểu biết và sử dụng các chiến lược, khả năng quyết định mức độ tin cậy dựa theo công việc biên dịch và chức năng văn bản, học cách đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá chéo;

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế và sử dụng các thông tin thu được vào công việc chuyên môn.

Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có năng lực sáng tạo và phát triển trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.2.2. Kỹ năng bổ trợ

Các kỹ năng cá nhân

- Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

Làm việc theo nhóm

- Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

Quản lý và lãnh đạo

- Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp, quản lý các nhóm và cá nhân trong từng nhóm.

Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng các hình thức như viết và nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyên giao kiến thức dưới dạng nói và viết;

- Có khả năng áp dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

Các kỹ năng bổ trợ khác

- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng và các phần mềm khác phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic;

- Các kỹ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

2.3. Về phẩm chất đạo đức

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng;

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, có tinh thần trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;

- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong hoạt động công vụ, trung thành với văn bản nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn;

- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch; Có thái độ đúng và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên phiên dịch; Có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; Thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;

- Ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

2.4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

Nhóm 1 – Biên dịch viên/Phiên dịch viên/Biên tập viên: có khả năng làm việc độc lập với tư cách là biên dịch viên, phiên dịch viên hoặc biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Hàn, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội;

Nhóm 2 – Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Hướng dẫn viên du lịch: có khả năng làm việc trong các văn phòng của các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Hàn;

Nhóm 3 – Nghiên cứu viên/giáo viên giảng dạy, nghiên cứu: có khả năng nghiên cứu trong các trung tâm, đơn vị nghiên cứu về Hàn Quốc học trong và ngoài nước. Có khả năng giảng dạy các đối tượng học viên là người Việt học tiếng Hàn. Tham gia vào các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Nếu người học hoàn thành thêm khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm thì có thể tham gia vào giảng dạy ngoại ngữ trong các trường phổ thông trong tương lai, khi tiếng Hàn được đưa vào giảng dạy tại bậc phổ thông.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có thể tự trau dồi, nâng cao trình độ theo các hướng như học tiếp lên bậc học cao hơn. Cụ thể là các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường hoặc các đơn vị khác;

- Cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc cũng có thể tiếp tục các bậc học cao hơn ở Hàn Quốc ở các chuyên ngành đúng, phù hợp hoặc gần theo quy định hiện hành.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo là 04 năm (sinh viên có thể học chậm tuy nhiên không quá 8 năm theo quy định hiện hành của Nhà trường).

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 139 tín chỉ, được phân bổ trong 08 học kỳ. (không tính 14 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng):

Trong đó:

Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ

Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

+ Kiến thức cơ sở: 20 tín chỉ

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 70 tín chỉ

Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

+ Thực tập: 04 tín chỉ

+ Khóa luận hoặc học phần thay thế: 06 tín chỉ

Tổng cộng: 139 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh và quy trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh:

- Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

Quy trình đào tạo:

- Theo quy chế đào tạo đại học của Bộ GDĐT;
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

6. Thang điểm: sử dụng thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Môn học trước (*)
				Lên lớp				
			LT	BT	TL	TH		
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP&AN)			39	22	21			
1.1. Lí luận chính trị			11	6	5			
1	POL001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1			
2	POL002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	2	1	1		1	
3	POL003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1		2	
4	POL004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1		3	
5	POL005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1		4	
1.2. Kiến thức xã hội nhân văn			16	7	9			
6	KNM 1	Kỹ năng mềm 1	3	1	2		5	
7	KNM2	Kỹ năng mềm 2	3	1	2		6	
8	THTV	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	1	1		7	
9	DLNN 100	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	1	1		8	
10	NNDC 100	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	1	1		9	
Học phần tự chọn (Chọn 2/4 học phần)			4	2	2			
11	CSVHVN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1		10	
12	NCKH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1		11	
13	HHCS 100	Hán - Hàn cơ sở	2	1	1		12	
14	L101	Pháp luật đại cương	2	1	1		13	

1.3. Ngoại ngữ II			9	6	3			
15	NN2-201	NN2 - Tiếng Trung Quốc 1	3	2	1			14
	TA P1-TT	NN2 - Tiếng Anh 1	3	2	1			15
16	NN2-202	NN2 - Tiếng Trung Quốc 2	3	2	1			16
	TA P2-TT	NN2 - Tiếng Anh 2	3	2	1			17
17	NN2-203	NN2 - Tiếng Trung Quốc 3	3	2	1			18
	TA P3-TT	NN2 - Tiếng Anh 3	3	2	1			19
1.4. Toán – Tin – Khoa học tự nhiên			3	1	2			
18	TINHOC 101	Tin học đại cương	3	1	2			20
1.5 + 1.6 Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh								
	PE006	Giáo dục thể chất 1						
	PE007	Giáo dục thể chất 2						
	ME008-ME011	Giáo dục quốc phòng và an ninh						
	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam						
	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh						
	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung						
	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật						
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90	34	56			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			20	7	13			
19	PPHQ100	Phương pháp học tiếng Hàn Quốc	2	1	1			21
20	ĐVHQ 101	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2			22
21	NNHQ 101	Đọc tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2			23

22	NPHQ 101	Viết (Ngữ pháp + thực hành viết) Tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2			24
23	ĐVHQ 102	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 2	3	1	2			25
24	NNHQ 102	Đọc tiếng Hàn Quốc 2	3	1	2			26
25	NPHQ 102	Tiếng Hàn Việt 2 (Ngữ pháp + Thực hành viết)	3	1	2			27
2.2. Kiến thức chuyên ngành			70	27	43			
2.2.1. Học phần bắt buộc								
27	ĐVHQ 103	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 3	3	1	2			28
28	NNHQ 103	Tiếng Hàn đọc 3	3	1	2			29
29	NPHQ 103	Tiếng Hàn Việt 3 (Ngữ pháp + Thực hành viết)	3	1	2			30
30	ĐVHQ 104	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 4	3	1	2			31
31	NNHQ 104	Đọc tiếng Hàn Quốc 4	3	1	2			32
32	NPHQ 104	Tiếng Hàn Việt 4 (Ngữ pháp + Thực hành viết)	3	1	2			33
33	ĐVHQ 105	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 5	3	1	2			34
34	NNHQ 105	Đọc tiếng Hàn Quốc 5	3	1	2			35
35	NPHQ 105	Tiếng Hàn Việt 5 (Ngữ pháp + Thực hành viết)	3	1	2			36
36	HQNC 100	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 6	3	1	2			37
37	LDHQ 100	Đọc tiếng Hàn Quốc 6	3	1	2			38
38	TDHQ 101	Tiếng Hàn Việt 6 (Ngữ pháp + Thực hành viết)	3	1	2			39
39	TDHQ 102	Tiếng Hàn nâng cao (Đọc – viết)	3	1	2			40
40	TDHQ 103	Tiếng Hàn nâng cao (Nghe nói)	3	1	2			41
41	HQKT 100	Tiếng Hàn Quốc kinh tế - thương mại.	4	2	2			42
42	HQDL 100	Tiếng Hàn Quốc du lịch	4	2	2			43
43	HQHC 100	Tiếng Hàn Quốc chuyên ngành văn hóa.	4	2	2			44
44	TTHQ 100	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Hàn Quốc	4	2	2			45
2.2.2. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)								
45	ĐNHQ 100	Địa lý Hàn Quốc	3	1	2			46
46	KTHQ 100	Kinh tế Hàn Quốc	3	1	2			47

47	VHHQ 100	Văn hóa Hàn Quốc	3	2	1			48
48	LSHQ 100	Lịch sử Hàn Quốc	3	2	1			49
3. Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) và Chuyên đề tốt nghiệp (CDTN)			10	0	10			
49	THUCTAP 300	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4			50
50	KLTN 100	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6			51
<i>Nếu không viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên học thêm 2 môn</i>								
51	QHHQ 100	Quan hệ quốc tế của Hàn Quốc	3	1	2			52
52	DNHQ 100	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	3	1	2			

Ghi chú:

Số TC: Tổng số tín chỉ đào tạo của ngành 139 tín chỉ

LT: Số tín chỉ lý thuyết

TH: Số tín chỉ thực hành, thí nghiệm

BT: Số tín chỉ bài tập

TL: Số tín chỉ thảo luận

(*): Ghi số thứ tự của môn học trước